TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **37**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-6-2019
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Liệu

Ông Phạm Văn Sơn

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán***: Ông Nguyễn Hữu Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 122/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 về việc *"Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Thu N** - sinh năm 1988.
Địa chỉ: Số 144, ấp S, xã T1, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai

- *Bị đơn:* Ông **Lê Minh T**- sinh năm 1986.
Hộ khẩu thường trú: Ấp S, xã T1, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.
Địa chỉ hiện nay: 168A, ấp T2, xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Thu N trình bày:

Bà và ông Ttự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 30/12/2011. Bà và ông Tchung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông Tthường xuyên đi nhậu về đánh đập, chửi bới bà. Đầu năm 2019 bà và ông N đã bắt đầu sống ly thân. Nay bà nhận thấy hôn nhân giữa bà và ông Tđã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà không còn tình cảm gì với ông Tnên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Tú.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Phạm H- sinh ngày 14/7/2012, Lê Phạm H1 - sinh ngày 08/9/2015. Khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02

con chung và không yêu cầu ông Tcấp dưỡng nuôi con. Đối với việc ông Ttự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng thì bà N đồng ý.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết..

- Bị đơn ông Lê Minh Ttrình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày của bà N về tình trạng hôn nhân giữa ông và bà N, ông đã nhận thấy lỗi lầm của bản thân và có xin lỗi vợ. Hiện nay ông đã về sống ở nhà ba mẹ ông ở xã P, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Nay bà N xin ly hôn thì ông không đồng ý vì ông còn tình cảm với bà N.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Phạm H- sinh ngày 14/7/2012, Lê Phạm H1- sinh ngày 08/9/2015. Trong trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì ông tự nguyện giao 02 con chung cho bà N nuôi dưỡng và ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 2.000.000đ/tháng/2 con chung.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thu N

+ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu N được ly hôn với ông Lê Minh Tú.

+ Về con chung: Giao con chung Lê Phạm H, Lê Phạm H1 cho bà Phạm Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng, ông Tcấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Bà N, ông Tphải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn" quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu N và ông Lê Minh Ttự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã T1, huyện Định Quán cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 134/2011 (quyển số I/2010) ngày 30/12/2011. Căn cứ Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 xác định hôn nhân giữa bà Phạm Thị Thu N và ông Lê Minh Tlà hôn nhân hợp pháp.

Nguyên đơn bà N khởi kiện yêu cầu ly hôn với lý do tình trạng hôn nhân giữa bà và ông Tlà trầm trọng vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông Tthường xuyên nhậu,

vợ chồng thường xuyên cải nhau, ông Tthường xuyên đánh đập bà; mâu thuẫn giữa bà và ông Tngày và ông Tngày càng trầm trọng, hai người đã sống ly thân từ đầu năm 2019. Bị đơn ông Tthừa nhận tình trạng hôn nhân của hai người theo như bà N trình bày, ông Tkhông đưa ra được phương hướng nào để vợ chồng hòa giải đoàn tụ với nhau.

Tòa án đã xác minh tại địa phương (ấp S, xã T1, huyện Định Quán) về tình trạng hôn nhân của bà N và ông Tú, kết quả như sau: tình trạng hôn nhân của bà N và ông Tlà trầm trọng, ông Tcó hành vi bạo lực gia đình, hai người đã sống ly thân. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành.

Như vậy quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Tđã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Đây là căn cứ cho ly hôn theo quy định tại khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Thu N về việc xin ly hôn với ông Lê Minh Tú.

[2.2] Về con chung:

Bà N và ông Tcó 02 con chung là Lê Phạm H – sinh năm 2012, Lê Phạm H1 – sinh năm 2015.

Bà N và ông Tđều thống nhất thỏa thuận trong trường hợp ly hôn thì bà N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, ông Tcấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ/01 con chung, tổng cộng là 2.000.000đ/tháng.

Sự thỏa thuận của bà N và ông Tkhông trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông Tđều khai không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Phạm Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

Ông Lê Minh Tphải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình về cấp dưỡng nuôi con theo quy định

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 246, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 11 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Phạm Thị Thu N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Thu N được ly hôn với ông Lê Minh Tú.

2. Về con chung: Giao 02 con chung Lê Phạm H – sinh năm 2012, Lê Phạm H1 – sinh năm 2015 cho bà Phạm Thị Thu N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lê Minh Tcó quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Ông Lê Minh Tcó nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.000.000đ (Một triệu đồng)/tháng/01 con chung, tổng cộng 2.000.000đ/02 con chung/tháng cho đến khi con chung thành niên.

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 của Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phạm Thị Thu N phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà N đã nộp, theo Biên lai thu số 0002099 ngày 27/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán được trừ vào tiền án phí bà N phải chịu.

Ông Lê Minh Tphải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình về cấp dưỡng nuôi con.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- UBND xã T1, ĐQ;
- Lưu.

Phạm Ngọc Quyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Liệu **Phạm Văn Sơn** **Phạm Ngọc Quyền**